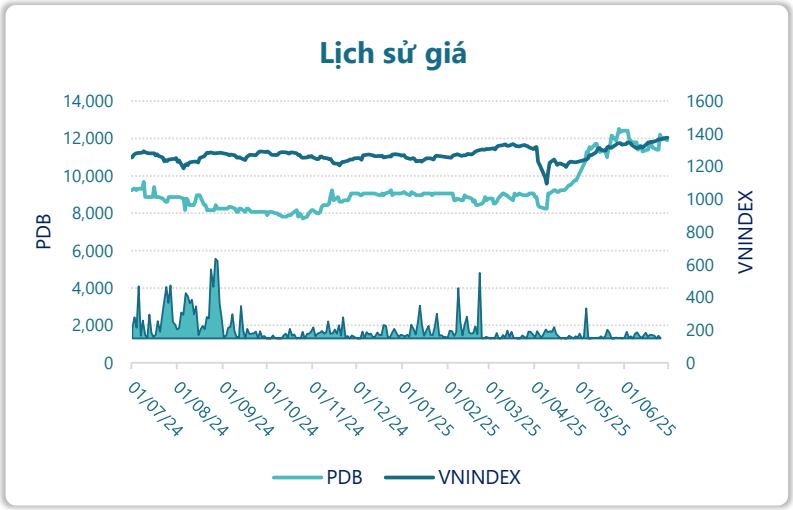
FireAnt

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,510
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,719
SL cổ phiếu LH	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,450
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
P/E	3.9
EPS	3,025

DT thuần

Q2/25

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 54.8| 75.5%

YoY: ▲ 59.2| 86.9%

LN sau thuế

Q2/25

16.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.1| 229%

YoY: ▲ 13.7| 582%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.7%

+/- YoY: ▲ 11.0%

DT thuần

6T 2025

199

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0| 53.0%

LN sau thuế

6T 2025

20.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.6| 523%

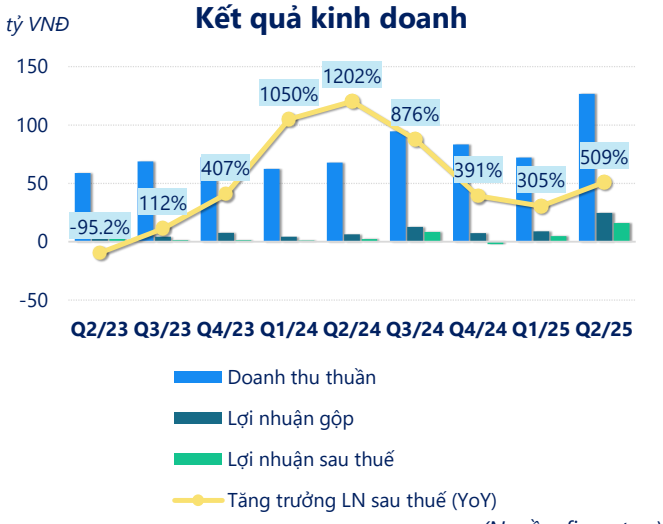
ROE

Q2/25

20.2%

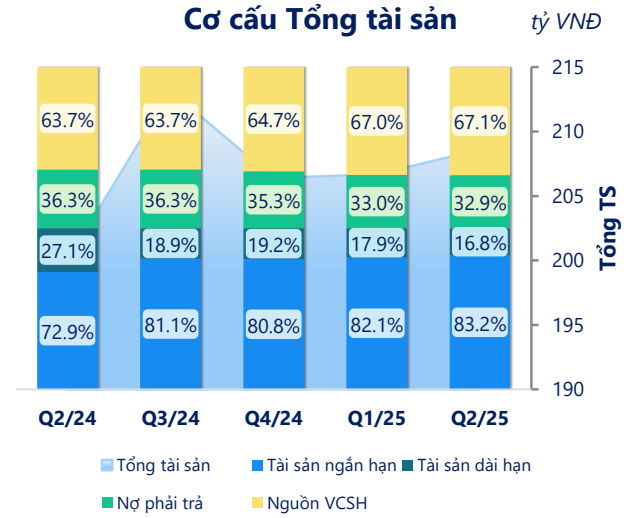
+/- YoY: ▲ 15.7%

Kết quả kinh doanh



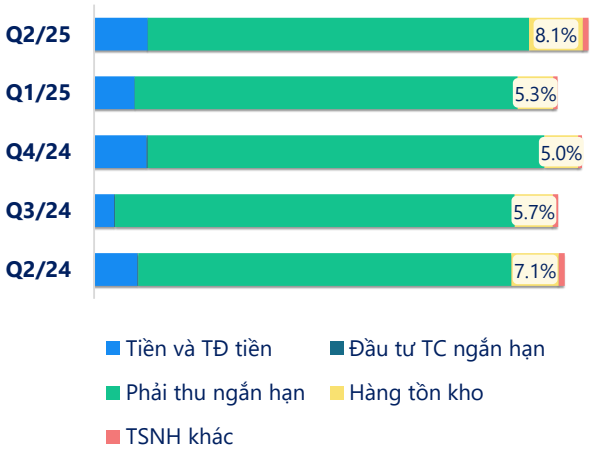
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



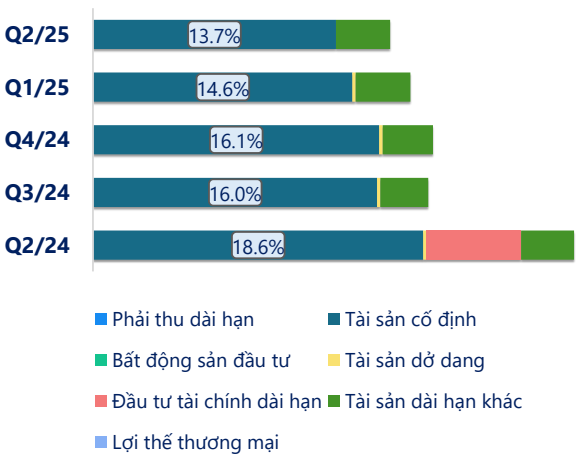
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



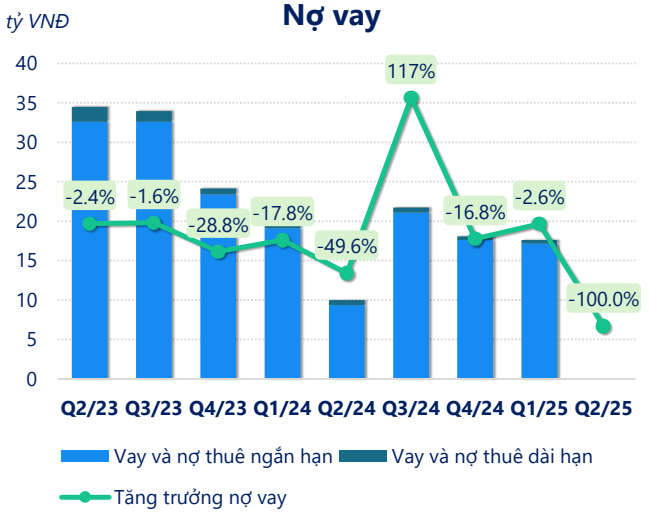
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



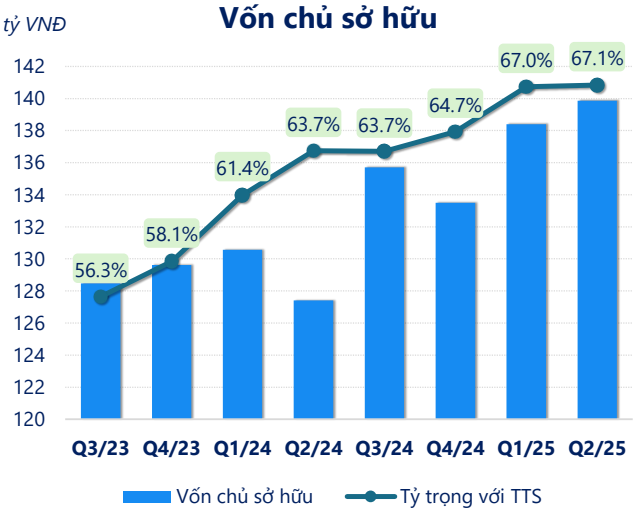
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



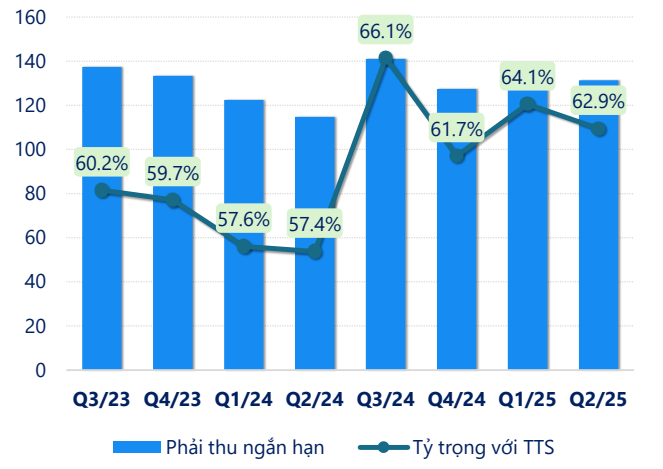
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



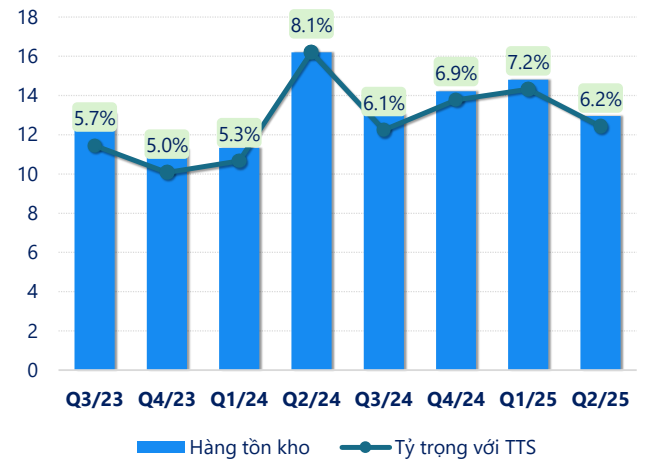
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



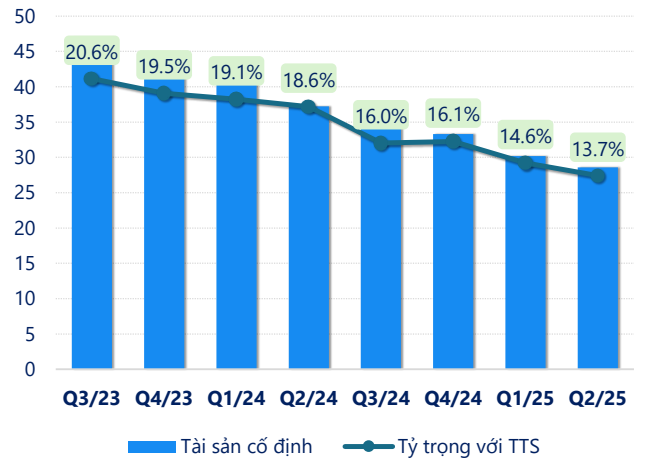
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



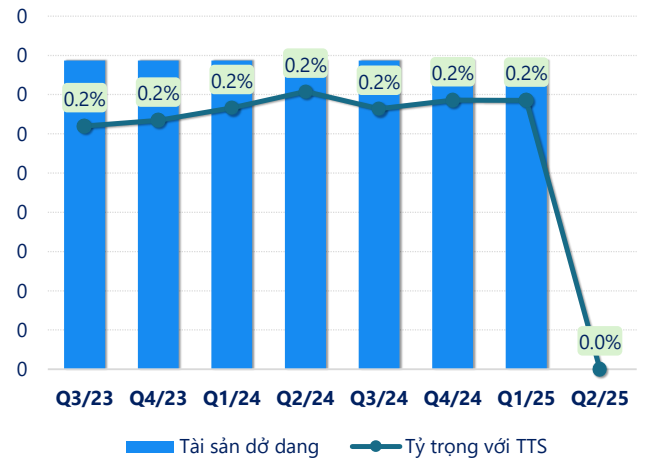
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



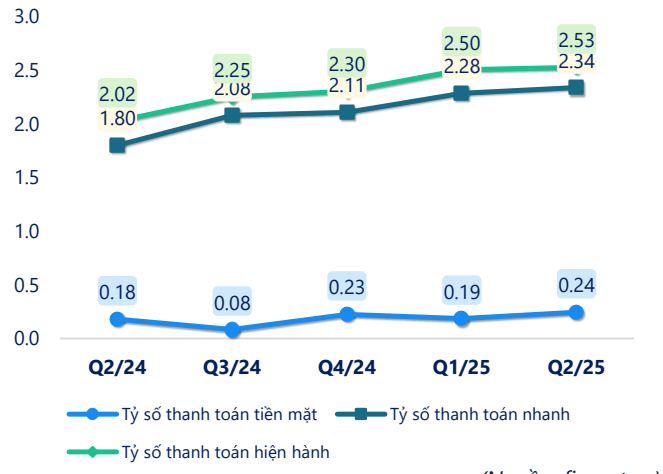
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



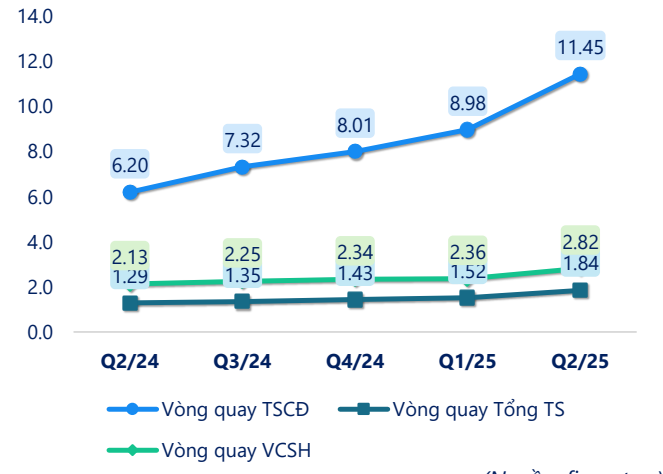
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**200**	**213**	**206**	**207**	**209**
Tài sản ngắn hạn	**146**	**173**	**167**	**170**	**174**
Tiền và tương đương tiền	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	11.0	8.01	8.51	11.5
Phải thu ngắn hạn	115	141	127	132	131
Hàng tồn kho	16.2	13.1	14.2	14.8	13.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.74	1.32	0.89	1.35	1.03
Tài sản dài hạn	**54.3**	**40.3**	**39.6**	**37.0**	**35.0**
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0
Tài sản cố định	37.2	34.1	33.3	30.2	28.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.39	0.39	0.39	0.39	0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.7	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.98	5.74	5.88	6.37	6.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**72.6**	**77.5**	**72.9**	**68.3**	**68.7**
Nợ ngắn hạn	**72.0**	**76.8**	**72.4**	**67.8**	**68.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.37	21.1	17.6	17.1	0
Phải trả người bán ngắn hạn	53.3	48.6	45.9	45.4	53.9
Nợ dài hạn	0.63	0.63	0.47	0.47	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0.63	0.63	0.47	0.47	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**127**	**136**	**133**	**138**	**140**
Vốn chủ sở hữu	**127**	**136**	**133**	**138**	**140**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	89.1	89.1	89.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)